

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Nguyễn Thanh Sơn

2/Ông Nguyễn Thành Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc “*Ly hôn*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H – Sinh năm 1982 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T – Sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, Xã M, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2023, bản khai của nguyên đơn chị Phạm Thị H khai: Chị và anh Trần Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hàm Thuận Bắc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được khoảng 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Trần Văn T chửi bới vợ con dẫn đến cãi nhau. Mâu thuẫn gia đình càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa đề nghị ly hôn với anh Trần Văn T. Về con: vợ chồng có 03 con tên Trần Thị Ngọc A – sinh năm 2001, Trần Thị Ngọc U – sinh năm 2003 và Trần Ngọc Hoài S - sinh năm 2005. Khi ly hôn các con đã trên 18 tuổi không yêu cầu giải quyết. Tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T khai: Qua lời trình bày của chị Phạm Thị H là đúng. Vợ chồng cưới nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hàm Thuận Bắc. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh uống rượu về có chửi chị H để dạy con cái nên vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay chị Phạm Thị H muốn ly hôn thì phải giải quyết tài sản chung, nợ chung anh mới ký đơn ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 03 con tên Trần Thị Ngọc A – sinh năm 2001, Trần Thị Ngọc U – sinh năm 2003 và Trần Ngọc Hoài S - sinh năm 2005, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn P, xã M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T cưới nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hàm Thuận Bắc là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không hòa hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Từ các mâu thuẫn do các đương sự trình bày trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H.

[3] Về tài sản: Anh Trần Văn T cho rằng anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị Phạm Thị H phải giải quyết chia tài sản chung, nợ chung cho anh. Xét yêu cầu này thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu chia tài sản nên Tòa án đã giải thích pháp luật cho anh T biết về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung phải có đơn khởi kiện của anh Trần Văn T và Tòa án đã cho anh T 15 ngày để nộp đơn nhưng anh không làm Đơn khởi kiện phản tố và cũng không nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản chung, nợ chung chứng tỏ anh từ bỏ quyền yêu cầu giải quyết tài sản nên Tòa không xem xét.

[4]Về con chung: Vợ chồng có 03 con tên Trần Thị Ngọc A – sinh năm 2001, Trần Thị Ngọc U – sinh năm 2003 và Trần Ngọc Hoài S - sinh năm 2005. Các con đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5]Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T , chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T .
- *Về án phí:*

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị Phạm Thị H đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0012777 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3/Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- **UBND xã Hàm Phú;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ung Thanh Quang